

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM
(Ngày 30 tháng 12 năm 2025)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Đỗ Văn Thi, Ngày tháng năm sinh: 01/10/1985
- Chức vụ/chức danh công tác: Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội.
- Cơ quan/đơn vị công tác: Phòng Văn hóa - Xã hội phường Thiên Hương.
- Nơi thường trú: Tổ dân phố Đường 10 - Phường Thủy Nguyên.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 031085003128
ngày cấp 30/9/2025 nơi cấp Bộ Công an.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Nghiêm Thị Phương, Ngày tháng năm sinh: 16/01/1989
- Nghề nghiệp: Nhân viên Trung tâm dịch vụ sự nghiệp công phường Thiên Hương.
- Nơi làm việc⁽⁴⁾: Tại UBND phường Thiên Hương
- Nơi thường trú: Tổ dân phố Đường 10 - Phường Thủy Nguyên.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 030189003574
ngày cấp 03/01/2018 nơi cấp Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: Đỗ Thị Kim Ngân, Ngày tháng năm sinh: 28/02/2013.
- Nơi thường trú: Tổ dân phố tây giữa - Phường Thủy Nguyên.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:
ngày cấp..... nơi cấp

3.2. Con thứ hai:

- Họ và tên: Đỗ Tiến Quân, Ngày tháng năm sinh: 24/4/2020.
- Nơi thường trú: Tổ dân phố Đường 10 - Phường Thủy Nguyên.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:
ngày cấp..... nơi cấp

3.3. Con thứ ba:

- Họ và tên: Đỗ Phương Thảo, Ngày tháng năm sinh: 02/7/2022.
- Nơi thường trú: Tổ dân phố Đường 10 - Phường Thủy Nguyên.

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:
ngày cấp..... nơi cấp

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: Tổ dân phố Hàm Long – Phường Thủy Nguyên – TP Hải Phòng

- Diện tích⁽⁹⁾: 82 m²

- Giá trị⁽¹⁰⁾: 620.000.000đ

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: đất ở lâu năm

- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾:

1.1.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾:

1.2.1. Thửa thứ nhất:

- Loại đất:..... Địa chỉ:

- Diện tích:

- Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:

- Thông tin khác (nếu có):

1.2.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất: nhà ở

- Địa chỉ: Tổ dân phố Hàm Long – Phường Thủy Nguyên – TP Hải Phòng

- Loại nhà⁽¹⁴⁾: cấp 4

- Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾: 70m²

- Giá trị⁽¹⁰⁾: 350.000.000đ

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:

- Thông tin khác (nếu có):

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾:

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:..... Địa chỉ:

- Loại công trình:..... Cấp công trình:

- Diện tích:

- Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
- Thông tin khác (nếu có):

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾:

3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾.

- Không có

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾.

- Không có

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:
- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:
- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp⁽²²⁾:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....
- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾:

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:.....
- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

- Không có

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾:

- Tên tài sản: xe mô tô, Số đăng ký: 15G135399, Giá trị: 15.000.000đ

- Tên tài sản: Số đăng ký: Giá trị:

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾:

- Tên tài sản: Năm bắt đầu sở hữu: Giá trị:

- Tên tài sản: Năm bắt đầu sở hữu: Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾.

- Không có

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾:

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾:

- Tổng thu nhập của người kê khai: 125.000.000đ/năm

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 85.000.000đ

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: 0đ

- Tổng các khoản thu nhập chung: 210.000.000đ/năm

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁾ /giảm ⁽⁴⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất:			Không thay đổi
1.1. Đất ở			
1.2. Các loại đất khác			
2. Nhà ở, công trình xây dựng khác:	Không có		
2.1. Nhà ở			
2.2. Công trình xây dựng khác			
3. Tài sản khác gắn liền với đất:	Không có		
3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất là rừng trồng	Không có		
3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất	Không có		

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên.	Không có		
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.	Không có		
6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):	Không có		
6.1. Cổ phiếu			
6.2. Trái phiếu			
6.3. Vốn góp			
6.4. Các loại giấy tờ có giá khác			
7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:	Không có		
7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).			
7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bộ bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, tiền điện tử, các loại tài sản khác...).			
8. Tài sản ở nước ngoài.			
9. Tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai ⁽⁵⁾ .			Tổng thu nhập 1 năm 210.000.000đ do vợ đã đi làm

Chiêu Thùy, ngày 31 tháng 12 năm 2025
NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI



PHÓ PHÒNG
Đỗ Thị Liên

Thiên Hương, ngày 30 tháng 12 năm 2025
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN

Đỗ Văn Thi

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM⁽¹⁾
(Ngày 20 tháng 12 năm 2025)⁽²⁾

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập:

- Họ và tên: **NGUYỄN HỒNG TUYẾN** Năm sinh: 1985
- Chức vụ/ chức danh công tác: Chánh Văn phòng HĐND và UBND.
- Cơ quan/ đơn vị công tác: Ủy ban nhân dân phường Thiên Hương, thành phố Hải Phòng.
- Hộ khẩu thường trú: Thôn 1, xã Đông Sơn, huyện Thủy Nguyên, TP Hải Phòng nay là Tổ dân phố 1 (khu vực Đông Sơn), phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.
- Chỗ ở hiện tại: Xã Đông Sơn, huyện Thủy Nguyên, TP Hải Phòng nay là Tổ dân phố 1, phường Lưu Kiếm, thành phố Hải Phòng.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản thu nhập

- Họ và tên: **TRẦN THỊ PHƯƠNG** Năm sinh: 1986
- Chức vụ/ chức danh công tác: Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai quận An Dương.
- Cơ quan/ đơn vị công tác: Sở Tài nguyên và Môi trường
- Hộ khẩu thường trú: Thôn 1, xã Đông Sơn, huyện Thủy Nguyên, TP Hải Phòng nay là Tổ dân phố 1 (khu vực Đông Sơn), phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.
- Chỗ ở hiện tại: Xã Đông Sơn, huyện Thủy Nguyên, TP Hải Phòng nay là Tổ dân phố 1, phường Lưu Kiếm, thành phố Hải Phòng.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

a) Con thứ nhất:

- Họ và tên: **NGUYỄN HẢI THANH.**
- Ngày tháng năm sinh: 09/8/2012.
- Hộ khẩu thường trú: Thôn 1, xã Đông Sơn, huyện Thủy Nguyên, TP Hải Phòng nay là Tổ dân phố 1 (khu vực Đông Sơn), phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.
- Chỗ ở hiện tại: Xã Đông Sơn, huyện Thủy Nguyên, TP Hải Phòng nay là Tổ dân phố 1, phường Lưu Kiếm, thành phố Hải Phòng.

b) Con thứ hai (trở lên): (kê khai như con thứ nhất)

.....
II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thừa thứ nhất: Đang ở nhờ trên đất bố mẹ đẻ.



- Địa chỉ⁽⁸⁾: Thôn 1, xã Đông Sơn, huyện Thủy Nguyên, TP Hải Phòng nay là Tổ dân phố 1 (khu vực Đông Sơn), phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng..

- Diện tích⁽⁹⁾: 104.2m².

- Giá trị⁽¹⁰⁾: 1.500.000.000đ

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: Ông Nguyễn Văn Thắng, bà Tạ Thị Thúy.

- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾:

1.1.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Không có.

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾:

1.2.1. Thừa thứ nhất:

- Loại đất:..... Địa chỉ:

- Diện tích:

- Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:

- Thông tin khác (nếu có):

1.2.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng: Không có

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ:

- Loại nhà⁽¹⁴⁾:

- Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾:

- Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:

- Thông tin khác (nếu có):

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾:

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:..... Địa chỉ:

- Loại công trình:..... Cấp công trình:

- Diện tích:

- Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:

- Thông tin khác (nếu có):

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾: Không có

3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾: Không có

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾: Không có

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): Không có

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:
- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:
- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp⁽²²⁾:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....
- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾:

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:.....
- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾:

- Tên tài sản: Ô tô Mazda 2 Số đăng ký: 15A 582.96, đứng tên vợ Trần Thị Phương. Giá trị tại thời điểm hiện nay là 300.000.000 đồng (*giá tại thời điểm hiện nay*).

- Tên tài sản:.....

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾: Không có

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾: Không có

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾: Không có

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾:

- Tổng thu nhập của người kê khai: 285.250.403 đồng.
- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 92.005.776 đồng.
- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: 0 đồng.
- Tổng các khoản thu nhập chung: 0 đồng.

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM ⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất			
1.1. Đất ở			
1.2. Các loại đất khác			
2. Nhà ở, công trình xây dựng			
2.1. Nhà ở			
2.2. Công trình xây dựng khác			
3. Tài sản khác gắn liền với đất			
3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất			
3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất			
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên			
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.			

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...). 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác). 8. Tài sản ở nước ngoài. 9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽³²⁾. (Kê khai tháng 5/2025: 240.240.912đ)		137.015.267	- Tiền lương, tiền khoán, tiền thưởng, tiền thu nhập tăng thêm từ công tác giải phóng mặt bằng.
--	--	-------------	--

Chuyên Hùng.. ngày 31 tháng 12 năm 2025
NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)



TRƯỞNG PHÒNG
Đỗ Văn Chi

.... ngày 20 tháng 12 năm 2025
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Tuyết

**BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM
(Ngày 31 tháng 12 năm 2025)**

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **LÊ MINH ĐỨC**. Ngày tháng năm sinh: 03/7/1984
- Chức vụ/chức danh công tác: Chỉ huy trưởng Ban CHQS phường Thiên Hương
- Cơ quan/đơn vị công tác: Ủy ban nhân dân phường Thiên Hương
- Nơi thường trú: TDP Đà Nẵng, phường Bạch Đằng, thành phố Hải Phòng
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 031084001727 ngày cấp 16/3/2015 nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **DƯƠNG THỊ THU**, Ngày tháng năm sinh: 25/5/1991
- Nghề nghiệp: Kinh doanh
- Nơi làm việc⁽⁴⁾: TDP Đà Nẵng, phường Bạch Đằng, thành phố Hải Phòng.
- Nơi thường trú: TDP Đà Nẵng, phường Bạch Đằng, thành phố Hải Phòng
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 031191021203 ngày cấp 15/9/2022 nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: **LÊ THỊ HUYỀN MY**, Ngày tháng năm sinh: 29/6/2015.
- Nơi thường trú: TDP Đà Nẵng, phường Minh Đức, Thủy Nguyên, Hải Phòng
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:; ngày cấp; nơi cấp

3.2. Con thứ hai (trở lên)

- Họ và tên: **LÊ MINH KHÔI** Ngày tháng năm sinh: 16/7/2019.
- Nơi thường trú: TDP Đà Nẵng, phường Minh Đức, Thủy Nguyên, Hải Phòng
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:; ngày cấp; nơi cấp

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ thửa đất:
- Diện tích:
- Giá trị:
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:
- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾:

1.1.2. Thửa thứ 2 (trở lên):

- Địa chỉ thửa đất:
- Diện tích:
- Giá trị:
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:
- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾:

- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾:

11.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾: Không

1.2.1. Thửa thứ nhất: Không

- Loại đất:..... Địa chỉ:

- Diện tích:

- Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:

- Thông tin khác (nếu có):

1.2.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ:

- Loại nhà⁽¹⁴⁾:

- Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾:

- Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:

- Thông tin khác (nếu có):

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾: Không

2.2.1. Công trình thứ nhất: Không

- Tên công trình:..... Địa chỉ:

- Loại công trình:..... Cấp công trình:

- Diện tích:

- Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:

- Thông tin khác (nếu có):

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾: Không

3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾: Không

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾: Không

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

Handwritten signature

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
.....

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất: Không

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾. Không.

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾. Không.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): Không

6.1. Cổ phiếu: Không

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu: Không.

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp⁽²²⁾: Không

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾: Không

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm: Không

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...) ⁽²⁴⁾: Không

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác) ⁽²⁵⁾: Không

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾. Không

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾: Không

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾: 286.378.510đ/năm

- Tổng thu nhập của người kê khai: 186.378.510đ/năm

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 100.000.000đ/năm

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: Không

- Tổng các khoản thu nhập chung: Không

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này): Không biến động

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất			
1.1. Đất ở			
1.2. Các loại đất khác			
2. Nhà ở, công trình xây dựng			
2.1. Nhà ở			
2.2. Công trình xây dựng khác			
3. Tài sản khác gắn liền với đất			
3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất			
3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất			
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên			
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.			
6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng			



loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...) 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác). 8. Tài sản ở nước ngoài. 9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai ⁽³²⁾ .			
		286.378.510đ	- Bản thân: 186.378.510 đồng - vợ: 100.000.000 đồng

Thiên Hương, ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)



 PHÒNG
 VĂN HÓA -
 XÃ HỘI
 TRƯỜNG PHÒNG
 Đỗ Văn Thi

Thiên Hương, ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)


 Lê Minh Đức

**BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM
(Ngày 31 tháng 12 năm 2025)**

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **Hoàng Xuân Điền**. Ngày tháng năm sinh: 11/02/1985
- Chức vụ/chức danh công tác: Phó chỉ huy trưởng quân sự phường
- Cơ quan/đơn vị công tác: Ủy ban nhân dân phường Thiên Hương
- Nơi thường trú: TDP Thiên Hương 3, phường Thiên Hương, Hải Phòng
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 031085018451 ngày cấp: 28/06/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **Đào Thị Minh Yến**, Ngày tháng năm sinh: 22/1/1986.
- Nghề nghiệp: Công nhân.
- Nơi làm việc ⁽⁴⁾: Khu công nghiệp Vsip.
- Nơi thường trú: TDP Thiên Hương 3, phường Thiên Hương, Hải Phòng
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 031186010640 ngày cấp 05/09/2019, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: **Hoàng Thị Minh Phương**, Ngày tháng năm sinh: 16/10/2010.
- Nơi thường trú: TDP Thiên Hương 3, phường Thiên Hương, Hải Phòng
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:; ngày cấp; nơi cấp

3.2. Con thứ hai (trở lên)

- Họ và tên: **Hoàng Khải Minh**, Ngày tháng năm sinh: 16/4/2014.
- Nơi thường trú: TDP Thiên Hương 3, phường Thiên Hương, Hải Phòng
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:; ngày cấp; nơi cấp

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ thửa đất: Không có
- Diện tích:
- Giá trị:
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:
- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾:

1.1.2. Thửa thứ 2 (trở lên):

- Địa chỉ thửa đất: Không có.
- Diện tích:
- Giá trị:
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:
- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾:



11.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾: Không

1.2.1. Thừa thứ nhất: Không

- Loại đất:..... Địa chỉ:
- Diện tích:
- Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:
- Thông tin khác (nếu có):

1.2.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất: 01 nhà

- Địa chỉ: TDP Thiên Hương 3, phường Thiên Hương, Hải Phòng.
- Loại nhà⁽¹⁴⁾: Cấp IV.
- Diện tích sử dụng ⁽¹⁵⁾: 100m².
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 550.000.000 triệu đồng (Giá trị ước tính)
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
- Thông tin khác (nếu có):

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾: Không

2.2.1. Công trình thứ nhất: Không

- Tên công trình:..... Địa chỉ:
- Loại công trình:..... Cấp công trình:
- Diện tích:
- Giá trị ⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
- Thông tin khác (nếu có):

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾: Không3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾: Không

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾: Không

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:



3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất: Không

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾. Không.

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾. Không.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): Không

6.1. Cổ phiếu: Không

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu: Không.

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp⁽²²⁾: Không

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾: Không

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm: Không

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾: Không

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾: Không

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾. Không9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾: Không

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾: 190.000.000đ/năm

- Tổng thu nhập của người kê khai: 190.000.000đ/năm

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 144.000.000đ/năm
- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: Không
- Tổng các khoản thu nhập chung: Không

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM ⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này): Không biến động

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất			
1.1. Đất ở			
1.2. Các loại đất khác			
2. Nhà ở, công trình xây dựng			
2.1. Nhà ở			
2.2. Công trình xây dựng khác			
3. Tài sản khác gắn liền với đất			
3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất			
3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất			
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên			
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.			
6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):			



6.1. Cổ phiếu			
6.2. Trái phiếu			
6.3. Vốn góp			
6.4. Các loại giấy tờ có giá khác			
7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:			
7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).			
7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).			
8. Tài sản ở nước ngoài.			
9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai ⁽³²⁾ .			

Thiên Hương, ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)



 TRƯỞNG PHÒNG
 Đỗ Văn Thi

Thiên Hương, ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)



 Hoàng Xuân Diên.

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM
(từ ngày 01/7/2025 đến ngày 20/12/2025)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **BÙI THỊ TU** Ngày tháng năm sinh: 16/5/1984
- Chức vụ/chức danh công tác:
- Cơ quan/đơn vị công tác: Phó Chánh Văn phòng HĐND và UBND phường
- Nơi thường trú: TDP Tây Giữa, phường Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 031184016989
- Ngày cấp: 25/7/2024 nơi cấp: Bộ Công an.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập: Không

- Họ và tên:..... Ngày tháng năm sinh:
- Nghề nghiệp:
- Nơi làm việc⁽⁴⁾:
- Nơi thường trú:
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:
ngày cấp..... nơi cấp

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: **Đỗ Thị Kim Ngân** Ngày tháng năm sinh: 28/02/2013
- Nơi thường trú: TDP Tây Giữa, phường Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:
ngày cấp..... nơi cấp

3.2. Con thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như con thứ nhất: Không

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: Phường Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng

- Diện tích⁽⁹⁾: 290m² (trong đó diện tích sử dụng riêng là 125m và sử dụng chung là 165m)

- Giá trị⁽¹⁰⁾: Không giao dịch nên không định giá được tài sản

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: Giấy chứng nhận số CN04449 do Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thủy Nguyên cấp ngày 13/11/2023

- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾:

1.1.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự thửa thứ nhất.

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾: Không

1.2.1. Thửa thứ nhất:

- Loại đất:..... Địa chỉ:

- Diện tích:

- Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:

- Thông tin khác (nếu có):

1.2.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự thửa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng: Không

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ:

- Loại nhà⁽¹⁴⁾:

- Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾:

- Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:

- Thông tin khác (nếu có):

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾:

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:..... Địa chỉ:

- Loại công trình:..... Cấp công trình:

- Diện tích:

- Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
- Thông tin khác (nếu có):

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾: Không

3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾: Không

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾: Không

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): Không

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:
- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:
- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp⁽²²⁾:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....
- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾:

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:.....
- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾: Không

- Tên tài sản: 01 xe máy Honda SH Mode Số đăng ký: 15G1 38878 Giá trị: hiện không xác định được giá trị vì không giao dịch.

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾: Không

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾: Không

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾: Không

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾:

- Tổng thu nhập của người kê khai: 61.800.000 đồng (lương, phụ cấp, làm thêm giờ, tiền thưởng, thu nhập tăng thêm)

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng):

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên:

- Tổng các khoản thu nhập chung: 61.800.000 đồng.

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy,			

thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...) 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác). 8. Tài sản ở nước ngoài. 9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai ⁽³²⁾ .			
--	--	--	--

Tổng: 61,8 triệu
 (từ tháng 7 đến
 tháng 12/2025)

Chiến Thắng ngày 31 tháng 12 năm 2025
NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)



TRƯỞNG PHÒNG
 Đỗ Văn Chi

Thiên Hương, ngày 20 tháng 12 năm 2025
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Bm Thi Ti

PHỤ LỤC I

**MẪU BẢN KÊ KHAI VÀ HƯỚNG DẪN VIỆC KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP LẦN ĐẦU,
KÊ KHAI HÀNG NĂM, KÊ KHAI PHỤC VỤ**

CÔNG TÁC CÁN BỘ

(Kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ)

A. MẪU BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG THIÊN HƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Thiên Hương, ngày 25 tháng 12 năm 2025

**BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM
(Ngày 25 tháng 12 năm 2025)⁽²⁾**

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **ĐỖ THỊ LIÊN**

- Ngày tháng năm sinh: 11/8/1976

- Chức vụ/chức danh công tác: Phó Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội

- Cơ quan/đơn vị công tác: Phòng Văn hóa - Xã hội, UBND phường Thiên Hương

- Nơi thường trú: TDP Thủy Sơn 5, phường Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 031176012857 ngày cấp 23/12/2021 nơi cấp Cục Cảnh sát QLHC và TTXH.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **Vũ Xuân Thọ**

- Ngày tháng năm sinh: 30/10/1975

- Nghề nghiệp: công nhân

- Nơi làm việc⁽⁴⁾: Nhà máy thép Việt Nhật - khu công nghiệp Nam Cầu Kiền

- Nơi thường trú: TDP Thủy Sơn 5, phường Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 031075006624 ngày cấp 04/5/2021 nơi cấp Cục Cảnh sát QLHC và TTXH

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: Vũ Ngọc Diệp
- Ngày, tháng, năm sinh: 16/11/2008
- Nơi thường trú: TDP Thủy Sơn 5, phường Thủy Nguyên, TP Hải Phòng
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 031308013361 ngày cấp 22/3/2023 nơi cấp Cục Cảnh sát QLHC và TTXH

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: TDP Thủy Sơn 5, phường Thủy Nguyên, TP Hải Phòng
- Diện tích⁽⁹⁾: 100 m²
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 200.000.000 triệu đồng
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: số CC431460 do UBND huyện Thủy Nguyên cấp ngày 31/12/2015
- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾:

1.1.2. Thửa thứ 2 (trở lên): (không có)

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾: (không có)

1.2.1. Thửa thứ nhất: (không có)

- Loại đất:..... Địa chỉ:
- Diện tích:
- Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:
- Thông tin khác (nếu có):

1.2.2. Thửa thứ 2 (trở lên): (không có)

2. Nhà ở, công trình xây dựng: (không có)

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: TDP Thủy Sơn 5, phường Thủy Nguyên, TP Hải Phòng
- Loại nhà⁽¹⁴⁾: Nhà ở riêng lẻ
- Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾: 200 m²

- Giá trị⁽¹⁰⁾: 800.000.000 đ
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
- Thông tin khác (nếu có):

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾: (không có)

2.2.1. Công trình thứ nhất: (không có)

- Tên công trình:..... Địa chỉ:
- Loại công trình:..... Cấp công trình:
- Diện tích:
- Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
- Thông tin khác (nếu có):

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): (không có)

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾: (không có)

3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾: (không có)

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾: (không có)

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất: (không có)

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾. (không có)

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾. (không có)

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): (không có)

6.1. Cổ phiếu: (không có)

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: ...



- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: ..

6.2. Trái phiếu: (không có)

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp⁽²²⁾: (không có)

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾: (không có)

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾:

- Tên tài sản: Ô tô Số đăng ký: biển kiểm soát 15k-303.58 Giá trị: 750.000.000 đ

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾: (không có)

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾: (không có)

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾: (không có)

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾:

- Tổng thu nhập của người kê khai: 270.000.000 đ

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 220.000.000 đ

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: (không có)

- Tổng các khoản thu nhập chung: (không có)

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này): (không có)

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất			

1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...). 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).			
--	--	--	--

8. Tài sản ở nước ngoài.			
9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai ⁽³²⁾ .			

Chiên Hùng ngày *31* tháng *12* năm *2025*

NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)



TRƯỞNG PHÒNG
Đỗ Văn Chi

Thuận Hưng ngày *25* tháng *12* năm *2025*

NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Mul
Đỗ Chí Liens

**BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM
(Ngày 31 tháng 12 năm 2025)**

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **NGUYỄN CÔNG DIỄN**. Ngày tháng năm sinh: 28/10/1974
- Chức vụ/chức danh công tác: Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND phường Thiên Hương
- Cơ quan/đơn vị công tác: Ủy ban nhân dân phường Thiên Hương
- Nơi thường trú: Số 322 Lê Lai - P.Ngô Quyền - Hải Phòng
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 034074003091 ngày cấp 05/5/2016, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **PHÙNG THỊ THU HIỀN**, Ngày tháng năm sinh: 21/12/1975
- Nghề nghiệp: Y sỹ
- Nơi làm việc ⁽⁴⁾: Bệnh viện tâm thần Hải Phòng.
- Nơi thường trú: Số 322 Lê Lai - P.Ngô Quyền - Hải Phòng
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 033175013995 ngày cấp 10/08/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: **NGUYỄN LƯƠNG TRUNG DŨNG**, Ngày tháng năm sinh: 18/12/2002.
- Nơi thường trú: Số 322 Lê Lai- P.Ngô Quyền-Hải Phòng
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 031202004027; nơi cấp Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

3.2. Con thứ hai (trở lên)

- Họ và tên: **NGUYỄN LƯƠNG TRUNG HIỆU**, Ngày tháng năm sinh: 08/05/2010.
- Nơi thường trú: Số 322 Lê Lai- P.Ngô Quyền-Hải Phòng
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 031210014666; ngày cấp 04/06/2024; nơi cấp Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thừa thứ nhất:

- Địa chỉ thửa đất: Phường Hải An, thành phố Hải Phòng
- Diện tích: 40m².
- Giá trị: 800.000.000 (Giá trị ước tính)
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: Số BB 571285. Cấp ngày 26/4/2008.
- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾: Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị; Thời hạn sử dụng: Lâu dài.

1.1.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.

- Địa chỉ thửa đất: Phường Hải An, thành phố Hải Phòng.
- Diện tích: 45m².
- Giá trị: 900.000.000đ (Giá trị ước tính)
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: Số BG241989. Cấp ngày 26/4/2008.
- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾: Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị; Thời hạn sử dụng:



Lâu dài.

1.1.3. Thửa thứ 3 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

- Địa chỉ thửa đất: Phường Hải An, thành phố Hải Phòng.
- Diện tích: 311.7m².
- Giá trị: 5.000.000.000đ (Giá trị ước tính)
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: Số A02134511. Cấp ngày 08/5/2008.
- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾: Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị; Thời hạn sử dụng:

Lâu dài.

1.1.4. Thửa thứ 4 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

- Địa chỉ thửa đất: 8/6B Lê Hồng Phong, thành phố Hải Phòng.
- Diện tích: 311.7m².
- Giá trị: 5.000.000.000đ (Giá trị ước tính)
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: Số AA02134511. Cấp ngày 08/5/2008.
- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾: Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị; Thời hạn sử dụng:

Lâu dài.

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾: Không

1.2.1. Thửa thứ nhất: Không

- Loại đất:..... Địa chỉ:
- Diện tích:
- Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:
- Thông tin khác (nếu có):

1.2.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: Tổ dân phố số 9, 11 phường Đằng Hải - Hải An - Hải Phòng.
- Loại nhà⁽¹⁴⁾: Nhà ở tại đô thị; Thời hạn sử dụng: Lâu dài.
- Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾: 120m² sàn xây dựng.
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 1.200.000.000đ (Giá trị ước tính)
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: Số BB 571285. Cấp ngày 26/4/2008; Số BG241989. Cấp ngày 26/4/2008
- Thông tin khác (nếu có):

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

- Địa chỉ: 8/6B Lê Hồng Phong, thành phố Hải Phòng.
- Loại nhà⁽¹⁴⁾: Nhà ở tại đô thị; Thời hạn sử dụng: Lâu dài.
- Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾: 500m² sàn xây dựng.

- Giá trị⁽¹⁰⁾: 20.000.000.000đ (Giá trị ước tính)

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: Số AA 502221098. Cấp ngày 06/6/2008; Số

2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾: Không

2.2.1. Công trình thứ nhất: Không

- Tên công trình:..... Địa chỉ:

- Loại công trình:..... Cấp công trình:

- Diện tích:

- Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:

- Thông tin khác (nếu có):

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾: Không

3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾: Không

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾: Không

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất: Không

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾. Không.

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾. Không.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): Không

6.1. Cổ phiếu: Không

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu: Không.

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp⁽²²⁾: Không

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾: Không

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm: Không

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾: Không

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾: Không

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾: Không

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾: Không

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾: 312.000.000đ/năm

- Tổng thu nhập của người kê khai: 240.000.000đ/năm

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 72.000.000đ/năm

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: Không

- Tổng các khoản thu nhập chung: Không

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này): Không biến động

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất			
1.1. Đất ở			

1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...). 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác). 8. Tài sản ở nước ngoài.			
--	--	--	--

9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽³²⁾.

Không có

Không có

Thiên Hương, ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)



TRƯỞNG PHÒNG
Đỗ Văn Chi

Thiên Hương, ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)


Nguyễn Thị Duyên

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP NĂM 2025

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **NGUYỄN VĂN NĂNG**, Năm sinh: 02/05/1976.
- Chức vụ/chức danh công tác: Phó Chủ tịch UBND phường Thiên Hương
- Cơ quan/đơn vị công tác: Ủy ban nhân dân phường Thiên Hương
- Nơi thường trú: TDP 8, phường Bạch Đằng, thành phố Hải Phòng.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 031076007653, ngày cấp 06/03/2019, nơi cấp Cục cảnh sát QLHC về TTXH.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **Lại Thị Thúy Hải**. Năm sinh: 18/12/1977.
- Nghề nghiệp: Giáo viên
- Nơi làm việc: Trường THPT Phạm Ngũ Lão, Thủy Nguyên, Hải Phòng
- Nơi thường trú: TDP 8, phường Bạch Đằng, thành phố Hải Phòng.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 031177015176 ngày cấp 09/01/2022 nơi cấp Cục cảnh sát về QLHC và TTXH.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

(Không còn)

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất:

1.1. Đất ở:

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ: phường Bạch Đằng, thành phố Hải Phòng.
- Diện tích: 100 m²
- Giá trị: Đất ở không có giao dịch nên không biết về giá trị của thửa đất.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: Có
- Thông tin khác (nếu có):

1.1.3. Thửa thứ 2:

- Địa chỉ: phường Bạch Đằng, thành phố Hải Phòng.
- Diện tích: 150 m²
- Giá trị: Đất thừa kế không có giao dịch nên không biết về giá trị của thửa đất.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: Có

- Thông tin khác (nếu có): Đất thừa kế từ Bố, Mẹ đẻ.

1.2. Các loại đất khác: **Không có**

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: phường Bạch Đằng, thành phố Hải Phòng.- Loại nhà: 3 tầng

- Diện tích sử dụng: 315,0 m²

- Giá trị: Nhà ở không có giao dịch nên không biết về giá trị của ngôi nhà.

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: Có

- Thông tin khác (nếu có):

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): **Không có**

2.2. Công trình xây dựng khác: **Không có**

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất: **Không có**

3.2. Rừng sản xuất: **Không có**

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất: **Không có**

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: **Không có**

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên: **400.000.000** đồng cho vay.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu: **Không có**

6.2. Trái phiếu: **Không có**

6.3. Vốn góp: **Không có**

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác: **Không có**

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...):

- Tên tài sản:

+ Mô tô, số đăng ký: 15G1 - 579.01, Giá trị 50.000.000 đồng.

+ Ô tô biển kiểm soát: 15A-418.78, giá 550.000.000 đồng.

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác): **Không có**

8. Tài sản ở nước ngoài: **Không có**

9. Tài khoản ở nước ngoài: **Không có**

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai : 397.500.000 đồng.

- Tổng thu nhập của người kê khai: 212.500.000 đồng.

- Tổng thu nhập của vợ : 167.000.000 đồng.
- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: 0 đồng
- Tổng các khoản thu nhập chung: 0 đồng.

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM ⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy		Tăng 150 triệu	Do đối ô tô biển kiểm soát 15A-418.78

đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...). 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác). 8. Tài sản ở nước ngoài. 9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽³²⁾.		547,5 triệu đồng	Thu nhập từ lương, tăng thêm: 397,5 triệu đồng. - Thu nhập từ bán ô tô: 150 triệu đồng .
--	--	------------------	--

Thiên Hương, ngày 31...tháng 12 năm 2025

NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)



TRƯỞNG PHÒNG
Đỗ Văn Lohi

Thiên Hương, ngày 08 tháng 12 năm 2025

NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN

Nguyễn Văn Năng

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP NĂM 2025⁽¹⁾
(Ngày 18/12/2025)⁽²⁾

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: ĐÀM QUANG HƯNG, Ngày tháng năm sinh: 22/08/1977
- Chức vụ/chức danh công tác: Đảng ủy viên, phó Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND phường Thiên Hương;
- Cơ quan/đơn vị công tác: Hội đồng Nhân dân phường Thiên Hương;
- Nơi thường trú: Tổ dân phố Lâm Động 1, phường Thiên Hương thành phố Hải Phòng;
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 031077008296. ngày cấp 01/05/2021 nơi cấp Cục cảnh sát

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: CAO THỊ BỐN Ngày tháng năm sinh: 18/12/1983
- Nghề nghiệp: Lao động tự do
- Nơi làm việc⁽⁴⁾: Tổ dân phố Lâm Động 1, phường Thiên Hương thành phố Hải Phòng;
- Nơi thường trú: Tổ dân phố Lâm Động 1, phường Thiên Hương thành phố Hải Phòng;
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 031183006732. ngày cấp 12/8/2021 nơi cấp Cục cảnh sát

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: ĐÀM ĐĂNG KHÔI Ngày tháng năm sinh: 27/4/2023
- Nơi thường trú: Tổ dân phố Lâm Động 1, phường Thiên Hương thành phố Hải Phòng;
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: chưa có CCCD

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: Tổ dân phố Lâm Động 1, phường Thiên Hương thành phố Hải Phòng;
- Diện tích⁽⁹⁾: 265 m²
- Giá trị⁽¹⁰⁾: Chưa giao dịch

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: số GCN quyền sử dụng: 259796

- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾: không có

1.1.2. Thừa thứ 2 (trở lên): không có

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾: Đất trồng cây hàng năm chung với mẹ đẻ

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: Tổ dân phố Lâm Động 1, phường Thiên Hương thành phố Hải Phòng;

- Loại nhà⁽¹⁴⁾: nhà ở riêng biệt

- Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾: 150 m²

- Giá trị⁽¹⁰⁾: bố mẹ cho

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: số GCN quyền sử dụng: 259796

- Thông tin khác (nếu có): không có

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): không có

2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾:

2.2.1. Công trình thứ nhất: không có

2.2.2. Công trình thứ 2: không có

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾:

3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾: Không có

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾: Không có

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi: nhà ở Số lượng: 01 Giá trị⁽¹⁰⁾: Bố mẹ cho

- Tên gọi: nhà bếp và công trình phụ Số lượng: 01 Giá trị⁽¹⁰⁾: tự xây

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾: Không có

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾: Bốn trăm triệu đồng chẵn

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu:

Không có

6.2. Trái phiếu:

Không có

6.3. Vốn góp⁽²²⁾:

Không có



6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾:

Không có

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾:

Xe máy SH Honda Việt Nam

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾:

Không có

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾: Không có

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾:

Không có

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai (từ tháng 6/2025 đến tháng 12/2025)⁽²⁸⁾:

134.689.376 đồng (một trăm ba mươi triệu, sáu trăm tám mươi chín nghìn, ba trăm bảy mươi sáu đồng)

- Tổng thu nhập của người kê khai: 77.689.376 đồng (Lương)

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 57.000.000 đồng (tiền công + lãi ngân hàng)

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: chưa có

- Tổng các khoản thu nhập chung: không có

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM ⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất			
1.1. Đất ở			
1.2. Các loại đất khác			
2. Nhà ở, công trình xây dựng			
2.1. Nhà ở			
2.2. Công trình xây dựng khác			
3. Tài sản khác gắn liền với đất			
3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất			
3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất			

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...). 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác). 8. Tài sản ở nước ngoài. 9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽³²⁾.			
		134.689.376 đồng	Tiền lương, tiền công, tiền lãi ngân hàng

Thiên Hương ngày 31 tháng 12 năm 2025
NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)



TRƯỞNG PHÒNG
Đỗ Văn Chi

Thiên Hương ngày 18 tháng 12 năm 2025
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Thiên Hương

**BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM
(Ngày 19/12 2025)**

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Hoàng Thị Thu Hằng ; Ngày, tháng, năm sinh: 20/11/1972
 - Chức vụ/chức danh công tác: Ủy viên BCH Đảng bộ, Bí thư chi bộ HĐND, PCT HĐND phường Thiên Hương.
 - Cơ quan/đơn vị công tác: HĐND phường Thiên Hương.
 - Nơi thường trú: TDP Mỹ Đồng 5, phường Lê Ích Mộc, Thành phố Hải phòng.
 - Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 031172015514
- Cấp ngày 28/6/2021; nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

Họ và tên: Nguyễn Quang Thiết; Ngày tháng năm sinh: 13/3/1971

- Nghề nghiệp: Chủ xưởng cơ khí
- Nơi làm việc: TDP Mỹ Đồng 5, phường Lê Ích Mộc, Thành phố Hải phòng.
- Nơi thường trú: TDP Mỹ Đồng 5, phường Lê Ích Mộc, Thành phố Hải phòng.
- Số căn cước công dân: 031071011964 ngày cấp 10/8/2021; nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật) Không có.

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: TDP Mỹ Đồng 5, phường Lê Ích Mộc, Thành phố Hải phòng.
- Diện tích⁽⁹⁾: Diện tích: 592m²
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 2.442.000.000đ
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: Ông Nguyễn Quang Thiết và Bà Hoàng Thị Thu Hằng, Số C0855406, Do UBND Huyện Cấp ngày 02/10/2018.

1.1.2. Thửa thứ 2:

- Địa chỉ: TDP Mỹ Đồng 5, phường Lê Ích Mộc, Thành phố Hải phòng.
- Diện tích: Diện tích: 175m²
- Giá trị: 175.000.000đ
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: Ông Nguyễn Quang Thiết và Bà Hoàng Thị Thu Hằng, Số CH 01311, Do UBND Huyện Cấp ngày 26/06/2023.

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾:

1.2.1. Thừa thứ nhất: - Loại đất: đất sản xuất nông nghiệp

Địa chỉ: Khu mả vàng, TDP Mỹ Đồng 5, phường Lê Ích Mộc, Thành phố Hải phòng.
Tờ bản đồ số 12, thửa 96

+ Diện tích: 172m²

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Ông Nguyễn Quang Thiết và Bà Hoàng Thị Thu Hằng. Số AQ197982

1.2.2. Thừa thứ nhất:

- Loại đất: đất sản xuất nông nghiệp

+ Địa chỉ: Khu Lò gạch, tờ bản đồ số 12, thửa 196; TDP Mỹ Đồng 5, phường Lê Ích Mộc, Thành phố Hải phòng.

+ Diện tích: 367m²

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Ông Nguyễn Quang Thiết và Bà Hoàng Thị Thu Hằng. Số AQ197983

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất: TDP Mỹ Đồng 5, phường Lê Ích Mộc, Thành phố Hải phòng.

+ Loại nhà: Nhà ở Cấp công trình: Cấp 4

+ Diện tích xây dựng: 73,3 m²

+ Giá trị: 260.000.000(hai trăm sáu mươi triệu đồng chẵn)

+ Giấy chứng nhận quyền sở hữu: Ông Nguyễn Quang Thiết và Bà Hoàng Thị Thu Hằng, số C0855406 cấp ngày 02/10/2018

2.1.2. Nhà thứ hai: TDP Mỹ Đồng 5, phường Lê Ích Mộc, Thành phố Hải phòng.

+ Loại nhà: Nhà ở Cấp công trình: Cấp 3

+ Diện tích xây dựng: 59m²

+ Giá trị: 600.000.000(Sáu trăm triệu đồng chẵn)

+ Giấy chứng nhận quyền sở hữu: cùng trong tổng thể đất ở

2.2. Công trình xây dựng khác ⁽¹⁶⁾:

2.2.1. Công trình thứ nhất: Nhà xưởng

+ Loại công trình : Công trình dân dụng; Cấp công trình: nhà xưởng

+ Diện tích: 83m²

+ Giá trị: 300.000.000đ

+ Giấy chứng nhận quyền sở hữu: Cùng trong tổng thể đất

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾:

3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾: Không có

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾: Không có

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾. Không có

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu: Không có

6.2. Trái phiếu: Không có

6.3. Vốn góp ⁽²²⁾: Không có

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác ⁽²³⁾:

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾: Không có

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾: Không có

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾: Không có

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾: Không có

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai từ tháng 7/2025 - 19/12/2025 = 220.546.000đ.

- Tổng thu nhập của người kê khai: 87.546.000đ

- Tổng thu nhập của chồng: 133.000.000đ

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: 0

- Tổng các khoản thu nhập chung: 0

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM ⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên			

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...). 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác). 8. Tài sản ở nước ngoài. 9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽³²⁾.			
		220.546.000đ	Thu từ lương, phụ cấp 7 tháng cuối năm 2025 là 87.546.000đ đồng; lợi nhuận sản xuất kinh doanh của chồng 7 tháng cuối năm 2025 là 133.000.000 đồng.

Thiên Hương, ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI



TRƯỞNG PHÒNG
Đỗ Văn Thi

Thiên Hương, ngày 19 tháng 12 năm 2025

NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN

Hoàng Thị Thu Hằng

**BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM
(Ngày 31 tháng 12 năm 2025)**

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **MẠC THANH TÙNG**. Ngày tháng năm sinh: 28/10/1981
- Chức vụ/chức danh công tác: Phó Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị
- Cơ quan/đơn vị công tác: Ủy ban nhân dân phường Thiên Hương
- Nơi thường trú: TDP Đình - Vàn, phường Lưu Kiếm, thành phố Hải Phòng
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 031081022311 ngày cấp 14/9/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **NGUYỄN THỊ MINH GIANG**, Ngày tháng năm sinh: 13/12/1985
- Nghề nghiệp: Giáo viên
- Nơi làm việc ⁽⁴⁾: Trường THPT Quang Trung, thành phố Hải Phòng.
- Nơi thường trú: Số 322 Lê Lai - P.Ngô Quyền - Hải Phòng
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 033175013995 ngày cấp 28/6/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: **Mạc Thảo Nguyên**, Ngày tháng năm sinh: 17/11/2008.
- Nơi thường trú: TDP Đình - Vàn, phường Lưu Kiếm, thành phố Hải Phòng
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:; ngày cấp; nơi cấp

3.2. Con thứ hai (trở lên)

- Họ và tên: **Mạc Tiến Dũng**, Ngày tháng năm sinh: 13/10/2013.
- Nơi thường trú: TDP Đình - Vàn, phường Lưu Kiếm, thành phố Hải Phòng
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:; ngày cấp; nơi cấp

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ thửa đất: Khu Đồng Hộ, xã Kênh Giang, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
- Diện tích: 100m².
- Giá trị: 320.000.000 (Giá trị ước tính)
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: Số BH 663181.
- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾:

1.1.2. Thửa thứ 2 (trở lên):

- Địa chỉ thửa đất: Khu Chợ Giá, xã Kênh Giang, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
- Diện tích: 200m².
- Giá trị: Không xác định, vì không có giao dịch
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: Số DP85815
- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾:

11.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾: Không

1.2.1. Thừa thứ nhất: Không

- Loại đất:..... Địa chỉ:
- Diện tích:
- Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:
- Thông tin khác (nếu có):

1.2.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất: 01 nhà

- Địa chỉ: Khu Đồng Hộ, xã Kênh Giang, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.
- Loại nhà⁽¹⁴⁾: Cấp IV.
- Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾: 200m².
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 550.000.000 triệu đồng (Giá trị ước tính)
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
- Thông tin khác (nếu có):

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾: Không

2.2.1. Công trình thứ nhất: Không

- Tên công trình:..... Địa chỉ:
- Loại công trình:..... Cấp công trình:
- Diện tích:
- Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
- Thông tin khác (nếu có):

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾: Không3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾: Không

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾: Không

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất: Không

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾. Không.

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾. Không.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): Không

6.1. Cổ phiếu: Không

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu: Không,

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp⁽²²⁾: Không

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾: Không

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm: Không

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾: Không

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾: Không

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾. Không

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾: Không

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾: 268.200.000đ/năm

- Tổng thu nhập của người kê khai: 186.378.510đ/năm

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 81.821.490đ/năm

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: Không
- Tổng các khoản thu nhập chung: Không

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM ⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này): Không biến động

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất			
1.1. Đất ở	+ 01 thửa đất	Không xác định	Bố, Mẹ vợ cho
1.2. Các loại đất khác			
2. Nhà ở, công trình xây dựng			
2.1. Nhà ở			
2.2. Công trình xây dựng khác			
3. Tài sản khác gắn liền với đất			
3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất			
3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất			
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên			
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.			
6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):			
6.1. Cổ phiếu			
6.2. Trái phiếu			

6.3. Vốn góp			
6.4. Các loại giấy tờ có giá khác			
7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:			
7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).			
7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).			
8. Tài sản ở nước ngoài.			
9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai ⁽³²⁾ .		268.200.000đ	- Bản thân: 186.378.510 đồng - vợ: 81.821.490 đồng

Thiên Hương, ngày 31 tháng 12 năm 2025
NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)



TRƯỞNG PHÒNG
Đỗ Văn Chi

Thiên Hương, ngày tháng năm 2025
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Mạc Chanh Tung

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP NĂM 2025⁽¹⁾
(Ngày 22 tháng 12 năm 2025)⁽²⁾

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **BÙI HOA THẠCH CƯỜNG** Năm sinh: 03/11/ 1979
- Chức vụ/ chức danh công tác: Phó Ban Văn hoá – Xã hội Hội đồng nhân dân phường
- Cơ quan/ đơn vị công tác: HĐND phường Thiên Hương
- Nơi thường trú: Tổ dân phố Hoàng Động 3 – Phường Thiên Hương – TP. Hải Phòng
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 031079000181 ngày cấp 09/8/2021 nơi cấp: Cục cảnh sát QLHCV TTXH Bộ Công an

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản thu nhập

- Họ và tên: **BÙI THỊ MAI** Năm sinh: 21/7/1983
- Nghề nghiệp: Công nhân
- Nơi làm việc⁽⁴⁾: Công ty TNHH công nghiệp Giấy Aurora Phường Thiên Hương – Thành phố Hải Phòng.
- Nơi thường trú: Tổ dân phố Hoàng Động 3 – Phường Thiên Hương – TP. Hải Phòng
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 031183014190 ngày cấp 17/6/2023 nơi cấp: Cục cảnh sát QLHCV TTXH Bộ Công an

3. Con chưa thành niên của người kê khai tài sản thu nhập

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: **BÙI TRỌNG PHÚ** Ngày tháng năm sinh: 08/4/2013
- Nơi thường trú: Tổ dân phố Hoàng Động 3 – Phường Thiên Hương – TP. Hải Phòng
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: ngày cấp..... nơi cấp

3.2. Con thứ hai:

- Họ và tên: **BÙI BÌNH AN** Ngày tháng năm sinh: 22/7/2021
- Nơi thường trú: Tổ dân phố Hoàng Động 3 – Phường Thiên Hương – TP. Hải Phòng
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 031221011674 ngày cấp: 17/10/2024 nơi cấp: Bộ công an.

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thừa thừa nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: Tổ dân phố Hoàng Động 3 – Phường Thiên Hương – Thành phố Hải Phòng.
- Diện tích⁽⁹⁾: Diện tích: 189,4m²

- Giá trị⁽¹⁰⁾: 940.000.000 đồng
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: Quyền sử dụng đất số (BP 419858)
- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾: (tài sản gắn liền trên đất nhà ở mái bằng 2 tầng cấp 4 diện tích 96 m2/tầng):

1.1.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾:

1.2.1. Thừa thứ nhất:

- Loại đất:..... Địa chỉ:
- Diện tích:
- Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:
- Thông tin khác (nếu có):

1.2.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất: Nhà ở mái bằng 2 tầng cấp 4, diện tích 96m2/tầng

- Địa chỉ: (Tổ dân phố Hoàng Động 3 – Phường Thiên Hương – Thành phố Hải Phòng)
- Loại nhà⁽¹⁴⁾: Mái bằng 2 tầng cấp 4
- Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾: 256m²
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 1.200.000.000đ
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: sổ chứng nhận bìa đỏ đất BP 419858
- Thông tin khác (nếu có): (Nhà ở gắn liền trên đất số chứng nhận BP 419858)

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾:

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:..... Địa chỉ:
- Loại công trình:..... Cấp công trình:
- Diện tích:
- Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
- Thông tin khác (nếu có):

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾:

3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾.

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp⁽²²⁾:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾:

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾.

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾:

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾ Từ tháng 7/2025 đến 22/12/2025: = 103.416.000 đồng (Một trăm linh ba triệu, bốn trăm mười sáu nghìn đồng).

- Tổng thu nhập của người kê khai: = 61.416.000 đồng

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): = 42.000.000 đồng

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: Không có

- Tổng các khoản thu nhập chung: = 103.416.000 đồng (Một trăm linh ba triệu, bốn trăm mười sáu nghìn đồng)

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM ⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...) 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác). 8. Tài sản ở nước ngoài.			

9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai ⁽³²⁾ .		103.416.000đ	Giảm thu nhập so với lần kê khai trước do từ tháng 01/2025 đến tháng 6/2025 đã khai phần thu nhập các khoản phụ cấp, thu nhập tăng thêm theo NQ05, NĐ73 của năm 2024 đến tháng 1/2025 mới được nhận và các khoản phụ cấp kiêm nhiệm các chức danh của Phó chủ tịch UBND phường. Từ ngày 01/7/2025 do sáp nhập phường và chuyển công tác khác, thôi kiêm nhiệm và không hưởng phụ cấp các chức danh kiêm nhiệm nên nguồn thu nhập giảm.
---	--	--------------	--

Chiêu Hưng, ngày 31 tháng 12 năm 2025
NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)



TRƯỞNG PHÒNG
Đỗ Văn Lohi

Hoàng Động, ngày 22 tháng 12 năm 2025
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Bùi Hoa Thạch Cương

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP PHỤC VỤ CÔNG TÁC CÁN BỘ
(Ngày 10 tháng 12 năm 2025)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **NGUYỄN CÔNG TOÀN** Năm sinh: 1974
- Chức vụ/ chức danh công tác: Giám đốc trung tâm phục vụ Hành chính công
- Cơ quan / đơn vị công tác: UBND Phường Thiên Hương
- Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố Hoàng Động 2 Phường Thiên Hương, thành Phố Hải Phòng
- Chỗ ở hiện tại: Tổ dân phố Hoàng Động 2 Phường Thiên Hương, thành Phố Hải Phòng

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản thu nhập

- Họ và tên: **NGUYỄN THỊ KIM HUỆ**. Năm sinh: 1975
- Chức vụ/ chức danh công tác: Giáo Viên
- Cơ quan/ đơn vị công tác: Trường tiểu học Hoàng Động
- Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố Hoàng Động 2 Phường Thiên Hương, thành Phố Hải Phòng
- Chỗ ở hiện tại: Tổ dân phố Hoàng Động 2 Phường Thiên Hương, thành Phố Hải Phòng

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN

1. Nhà ở, công trình xây dựng: *(Người kê khai tự mô tả các loại nhà, công trình xây dựng khác do bản thân, vợ hoặc chồng, con chưa thành niên sở hữu hoặc sở hữu một phần).*

a) Nhà ở:

- Nhà thứ 1: (Địa chỉ tại: Tổ dân phố Hoàng Động 2 Phường Thiên Hương, thành Phố Hải Phòng

+ Loại nhà: Tầng. Cấp công trình: 3

+ Diện tích xây dựng: 180 m²

+ Giá trị: 800.000.000 đ

+ Giấy chứng nhận quyền sở hữu:

+ Thông tin khác (nếu có):

- Nhà thứ 2 (trở lên): *Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.*

b) Công trình xây dựng khác:

- Công trình thứ 1: (Địa chỉ tại:)

+ Loại công trình: Cấp công trình:

+ Diện tích xây dựng:

+ Giá trị:

- + Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
- + Thông tin khác (nếu có):
- Công trình thứ 2 (trở lên): *Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.*
2. Quyền sử dụng đất: *(Người kê khai tự mô tả các loại đất do bản thân, vợ hoặc chồng, con chưa thành niên có quyền sử dụng toàn bộ hoặc một phần).*
- a) Đất ở:
- Mảnh thứ nhất: *(Ghi theo từng lô, khoảnh, khuôn viên).*
- + Địa chỉ: Tổ dân phố Hoàng Động 2 Phường Thiên Hương, thành Phố Hải Phòng
- + Diện tích: 119 m²
- + Giá trị:
- + Giấy chứng nhận quyền sử dụng: CH 00565 BP419370 cấp ngày 11/11/2013
- + Thông tin khác (nếu có):
- Mảnh thứ 2: *(Mô tả như mảnh thứ nhất).*
- + Địa chỉ: Tổ dân phố Hoàng Động 4 Phường Thiên Hương, thành Phố Hải Phòng
- + Diện tích: 169 m²
- + Giá trị:
- + Giấy chứng nhận quyền sử dụng: 0101001 cấp ngày 18/9/2018
- + Thông tin khác (nếu có): nhận chuyển nhượng
- b) Các loại đất khác: *(Ghi theo từng lô, khoảnh, khuôn viên)*
- Mảnh thứ nhất: *(Ghi theo từng lô, khoảnh, khuôn viên).*
- + Địa chỉ:
- + Diện tích:
- + Giá trị:
- + Giấy chứng nhận quyền sử dụng:
- + Thông tin khác (nếu có):
- Mảnh thứ 2: *(Mô tả như mảnh thứ nhất).*
3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾:
- 3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾:
- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- 3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾:
- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- 3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:
- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾.

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp⁽²²⁾:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾:

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾.

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾:

- Tên chủ tài khoản: không, số tài khoản: không

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản: không

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾: 350.000.000đ

- Tổng thu nhập của người kê khai: 170.000.000đ

- Tổng thu nhập của vợ : 180.000.000đ

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên:

- Tổng các khoản thu nhập chung:

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài
	Số	Giá trị tài	

	lượng tài sản	sản, thu nhập	sản tăng thêm và tổng thu nhập
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...) 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác). 8. Tài sản ở nước ngoài. 9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê			Lương của hai vợ chồng và thu nhập tăng thêm theo NQ số 05 của HĐND thành phố Hải Phòng

khai ⁽³²⁾ . 350.000.000đ + thu nhập tăng thêm theo NQ số 05 của HĐND thành phố Hải Phòng			
---	--	--	--

Chiên Hương, ngày *11* tháng *12* năm *2025*
NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)



TRƯỞNG PHÒNG
Đỗ Văn Thi

Thiên Hương, ngày 10 tháng 12 năm 2025
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Công Toàn

